

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐST
Ngày 24/10/2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Trọng Thịnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung, Ông Viêm Văn Doãn.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 05/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 270/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/9/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ngõ 254 khu T, phường V, thành phố B, tỉnh B- có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 06, ngõ 37, khu 8, phường T, thành phố B tỉnh B- (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Minh H trình bày: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị Kim H vào năm 1998 trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu T, phường V, thành phố B. Anh và chị H sống hòa thuận đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cách sống giữa anh và chị H không đồng nhất quan điểm. Do không chịu được cảnh sống như vậy nên vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm không ai quan tâm tới ai từ tháng năm 1993 đến nay. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể đoàn tụ được nên anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Chí D, sinh năm 1989, hiện nay các cháu D đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không có.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị xác nhận vào năm 1988 đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Minh H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại khu T, phường V, thành phố B. Chị và anh H sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có thái độ không tha thiết với gia đình vì anh có người phụ nữ khác tên Nông Thị N, sinh năm 1974, quê ở C, hiện công tác tại điện lực tỉnh C, hiện nay chị N đang chấp hành án tại N, T, tỉnh B. Bằng chứng cụ thể về việc anh H có quan hệ với chị N thì chị không cung cấp được cho Tòa án vì chị chỉ có vài dòng viết tay của anh H nhưng không viết cho người nhận cụ thể là ai. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Chí D, sinh năm 1989, hiện nay các cháu Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên suy nghĩ, quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H. Bản thân chị Hạnh không đồng ý ly hôn nhưng chị không có biện pháp gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Xử cho anh Nguyễn Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim H

Về con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Thị Kim H kết hôn với nhau năm 1998 trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, B. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 1993 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là cách sống giữa anh H và chị H không đồng nhất quan điểm, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng năm 1993 đến nay. Bản thân chị H cũng xác nhận chị và anh H sống hòa thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có thái độ không tha thiết với gia đình vì anh có người phụ nữ khác tên Nông Thị N, sinh năm 1974, quê ở C, hiện công tác tại điện lực tỉnh C, hiện nay chị N đang chấp hành án tại N, T, tỉnh B. Bằng chứng cụ thể về việc anh H có quan hệ với chị N thì chị không cung cấp được cho Tòa án vì chị chỉ có vài dòng viết tay của anh H nhưng không viết cho người nhận cụ thể là ai. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Minh H là giải phóng cho cả đôi bên là phù hợp.

Về con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh H về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Anh Nguyễn Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Chí D, sinh năm 1989, hiện nay các cháu D đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có

Về án phí: Anh Nguyễn Minh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000762 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Xác nhận anh Nguyễn Minh H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- CC THADS TP B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Trọng Thịnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- CC THADS TP Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Trọng Thịnh